

Bản án số: 156/2022/HS-PT

Ngày: 05-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.

Bà Huỳnh Kim Oanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 và 05 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 329/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị L cùng các đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y và Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị cáo kháng cáo:*

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 27/10/1986 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Công T, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Kinh doanh Công ty quốc tế Bình Nga; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1959 và bà Đoàn Thị Thu N sinh năm 1967; có chồng và một con; Tiền sự, Tiền án: Chưa có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Trọng T1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Lê Ba Y, sinh ngày 12/8/1985 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Công T, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Kinh doanh, chăn nuôi; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N1, sinh năm 1964 và bà Lê Thị N2, sinh năm 1966; Có vợ và một con; Tiền sự; Tiền án: Chưa có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Trọng T1, Luật sư Trần Mạnh H1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp Long C1, xã Long Khánh A, huyện Hồng G, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 và bà Hồ Thị Thanh H2, sinh năm 1966; có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2010 và nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền sự, Tiền án: Chưa có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Trọng T1, Luật sư Trần Mạnh H1 - Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị hại:

1. Lê Thị C, sinh năm 1960 (vắng mặt khi tuyên án).
 2. Phan Đức L2, sinh năm 1985 (vắng mặt khi tuyên án).
 3. Phan Thị L3, sinh năm 1983 (vắng mặt khi tuyên án).
 4. Phan Đức T3, sinh năm 1960 (vắng mặt khi tuyên án).
 5. Ngô Thị G1, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).
- Cùng cư trú: Ấp Gò D1, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.
6. Nguyễn Thị L, sinh nam 1986 (có mặt).
- Cư trú: Ấp Công T, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Đức T3, sinh năm 1960 (vắng mặt khi tuyên án).

Cư trú: Ấp Gò D1, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Đức T3: Luật sư Tăng Thị D – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt khi tuyên án).

- Người làm chứng: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992 (có mặt).

Cư trú: Ấp Long C, xã Long Khánh A, huyện Hồng G, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phan Đức T3, Nguyễn Thị Th, bị hại Lê Thị C, Phan Đức L2, Phan Thị L3, Phan Đức T3, Ngô Thị G1 không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 29-7-2019 gia đình của bị cáo Nguyễn Thị L tại ấp Công T, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp, có tổ chức tiệc mừng cho

Nguyễn Tân S là em của bị cáo L được cấp Visa đi Úc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo L cùng với bị cáo Lê Ba Y (Y là chồng của L); bị cáo Nguyễn Văn T; bị cáo Nguyễn Thị Th (T là chồng của Th) và chị Nguyễn Thị Minh N2 (N2 là em ruột của Th) điều khiển xe mô tô đi uống nước, khi chạy đến nhà bị cáo Phan Đức T3 tại ấp Gò D1, xã Bình P, huyện Tân H thì bị cáo L nhìn thấy anh Phan Đức L2 (con ruột của bị cáo T3) đang chẻ củ dưới sàn nhà, lúc này bị cáo L nhớ lại sự việc mâu thuẫn trước đây anh L2 nắm cổ áo đánh ông Nguyễn Đình K (cha của bị cáo L) nên tất cả dừng xe lại, cùng vào quán nước của chị Nguyễn Thị U gần nhà của anh L2. Bị cáo L và bị cáo Th đi qua nhà bị cáo T3 kêu anh L2 ra quán uống nước để hỏi rõ sự việc, nhưng anh L2 không ra nên bị cáo L; bị cáo Th tiếp tục đi vào nhà bị cáo T3 lúc này bị cáo Ba Y; bị cáo T cùng đi theo vào nhà gặp bị cáo Phan Đức T3; bà Lê Thị C (vợ bị cáo T3); anh Phan Đức L2 (con bị cáo T3); chị Ngô Thị G1 (vợ bị cáo L2) và chị Phan Thị L3 (con bị cáo T3) nói chuyện qua lại, thì hai bên xảy ra cự cãi đánh nhau. Bị cáo Y dùng tay, mũ (nón) bảo hiểm đánh bị cáo T3 02 cái đến 03 cái trúng vào đầu, còn bị cáo L; bị cáo Th dùng mũ (nón) bảo hiểm đánh bà C nhiều cái trúng vào người; bị cáo T dùng vật sắc nhọn đâm 01 cái trúng vào lưng bị cáo T3, lúc này chị L3 vào can ngăn thì bị bị cáo T dùng vật sắc nhọn đâm 01 cái trúng vào vùng ngực; bị cáo L dùng mũ bảo hiểm đánh chị L3 nhiều cái trúng vào vùng lưng, thấy vậy anh L2 chạy đến dùng tay đánh nhiều cái trúng vào vùng mặt, ngực của bị cáo Y; bị cáo T tiếp tục dùng vật sắc nhọn đâm trúng vào vùng lưng của anh L2; còn bị cáo T3 chạy đi tìm lấy một đoạn cây, loại cây tre dùng móc lúa đầu cây có gắn mảnh kim loại 03 cạnh đánh 01 cái trúng vào tay trái của bị cáo L làm đoạn cây bị gãy. Khi ra đến cầu thang, bị cáo T3 xô làm bị cáo Y bị trượt té xuống dưới đất, lúc này bị cáo L cầm chìa khóa xe mô tô trên tay quơ, đâm loạn xạ nhiều cái về phía bị cáo T3; bà C; anh L2; chị G1 và chị L3 khi chị L3 chạy ra đến khoảng giữa cầu thang thì bị bị cáo L dùng chìa khóa xe đâm nhiều cái trúng vào vùng lưng, bị cáo Y đứng dưới đất dùng tay ném gạch lên nhà bị cáo T3 nhưng không xác định có trúng ai không và làm vỡ 02 cửa kính ở trước nhà, sau đó bị cáo L; bị cáo Th và bị cáo T bỏ chạy ra khỏi nhà, không ai đánh nhau nữa. Sự việc được trình báo đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân H.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Th đã bỏ trốn khỏi địa phương nên ngày 03-02-2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân H ra Quyết định truy nã, đến ngày 25-02-2021 bị cáo Th đã bị bắt giữ theo quyết định truy nã.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 339/TgT ngày 24/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Phan Đức T3:

Thương tích: Sẹo vết thương vùng lưng trái, kích thước 04cm x 0,2cm; sẹo vết thương phần mềm vùng giữa cột sống thắt lưng, kích thước 0,5 cm x 0,3cm; các chấn thương vùng đầu không để lại dấu vết.

Kết luận: Vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước nhỏ; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 02 % (Hai phần trăm).

Kết luận khác: Vết thương do vật nhọn gây ra.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 340/TgT ngày 24/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Lê Thị C:

Thương tích: Sẹo vết thương phần mềm vùng thái dương trái, kích thước 1,5cm x 0,1 cm, sẹo lành, không dấu khuyết xương; sẹo vết thương phần mềm mu bàn tay phải, kích thước 02cm x 0,1cm, sẹo lành; sẹo sây sát da 1/3 giữa cánh tay trái, kích thước 6,5cm x 0,1cm, sẹo lành; vùng hông phải không để lại dấu vết thương tích; sây sát da bả vai trái, kích thước 04cm x 0,1cm, sẹo lành; sây sát da vùng gáy kích thước 02cm x 0,1cm; 01cm x 0,1cm, sẹo lành

Kết luận: Sẹo vết thương phần mềm, sẹo lành, số lượng nhiều, kích thước nhỏ; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 04% (Bốn phần trăm).

Kết luận khác: Sẹo vết thương phần mềm do vật tày gây nên; sẹo vết thương phần mềm không gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 338/TgT ngày 24/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Phan Đức L2.

Thương tích: Vết thương phần mềm vùng lưng trái dưới bả vai trái, kích thước 0,5cm x 0,1cm, sẹo lành tốt; hai vết sẹo sây sát da vùng cẳng tay trái kích thước 01cm x 0,1cm và 0,5 cm x 0,1cm; vùng ngực bên phải, vùng thượng vị, cổ tay trái hiện không thấy dấu vết thương tích.

Kết luận: Vết thương phần mềm vùng lưng trái, cẳng tay trái lành tốt; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 02 % (Hai phần trăm).

Kết luận khác: Vết thương vùng lưng do vật nhọn tác động gây nên thương tích; vết thương cẳng tay do vật tày tác động gây nên thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 15/TgT ngày 16/01/2020 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Ngô Thị G1.

Thương tích: Sẹo vết thương phần mềm vùng trán phải sát mép chân tóc kích thước 1,5cm x 0,5cm, không ảnh hưởng thẩm mỹ ;sẹo vết thương phần mềm mu bàn tay phải kích thước 0,5cm x 0,1cm; sưng bầm vùng đầu, cơ delta bên trái hiện không thấy dấu vết.

Kết luận: Sẹo vết thương phần mềm trán phải sát mép chân tóc, mu bàn tay phải số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ tỷ lệ tổn thương cơ thể: 02% (Hai phần trăm).

Kết luận khác: Các tổn thương trên do vật tày gây ra; sẹo vết thương phần mềm trên không ảnh hưởng thẩm mỹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 341/TgT ngày 24/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Phan Thị L3.

Thương tích: Chấn thương phần mềm môi trên bên trái và trán trái không để lại di chứng, không cho tỷ lệ phần trăm; sẹo vết thương phần mềm vùng lưng kích thước 0,4cm x 0,2cm; 0,3cm x 0,2cm; 0,5cm x 0,2cm và 0,5cm x 0,2cm lành; sẹo sây sát da giữa hai vai, kích thước 1,5cm x 0,2cm; sẹo vết thương phần mềm dưới vú kích thước 0,5cm x 0,2cm lành.

Kết luận: Sẹo vết thương phần mềm, số lượng sẹo nhiều, kích thước nhỏ; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 05% (Năm phần trăm).

Kết luận khác: Các tổn thương vùng lưng và vú phải do vật có cạnh sắc nhọn gây ra; tổn thương môi trên bên trái do vật tày không xác định hình dạng gây ra; tổn thương trán trái và lưng do vật tày hình cầu gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 346/TgT ngày 31/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Nguyễn Thị L.

Thương tích: Sẹo mổ 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái kích thước 13cm x 0,1cm sẹo lành; vận động gấp duỗi cẳng tay trái còn đau, hạn chế ít; các ngón cử động tốt; đầu chi hồng; phương pháp điều trị: Cắt lọc + kết hợp xương nẹp vis.

Kết luận: Gãy 1/3 trên xương trụ trái đã phẫu thuật kết hợp xương; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 09% (C phần trăm).

Kết luận khác: Gãy 1/3 trên xương trụ do vật tày tác động gây nên thương tích.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 337/TgT ngày 24/10/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đồng Tháp kết luận Lê Ba Y.

Thương tích: Sẹo sâu sát da cột sống thắt lưng kích thước 0,5cm x 0,2cm lành; chấn thương phần mềm hóc mắt bên trái, không để lại dấu vết sau chấn thương, không cho tỷ lệ phần trăm.

Kết luận: Sẹo sâu sát da số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ; tỷ lệ tổn thương cơ thể: 01% (Một phần trăm).

Kết luận khác: Các tổn thương trên không ảnh hưởng đến thẩm mỹ; tổn thương cột sống thắt lưng do vật cứng gây nên; tổn thương hóc mắt trái do vật tày không xác định hình dạng gây nên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 82/KL-HĐĐG ngày 31/10/2019 của Hội đồng định giá trị tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân H, kết luận: 02 (hai) kính thủy tinh màu vàng (màu trà), loại kính dày 03 ly, diện tích mỗi tấm kính là 1,82 m², giá trị sử dụng còn lại 50%, giá trị định giá 1.001.000đồng (Một triệu không trăm lẻ một nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án thu giữ:

Thu giữ tại hiện trường do Phan Đức L2 giao nộp: 01 mũ (nón) bảo hiểm màu tím, bằng nhựa, trên mũ có chữ nón Sơn, bị bể vỡ ra nhiều mảnh, còn tro phần nát xộp màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, bằng nhựa, trên mũ có chữ nón Sơn, mũ bị sút rời; 01 mũ bảo hiểm màu đen, bằng nhựa, trên mũ có chữ Fila Watches; 01 mũ bảo hiểm màu xám đen, bằng nhựa, trên mũ có chữ Tấn L Helmet, trên mũ có gắn kính nhựa bị sút rời; 01 đoạn cây gỗ, loại cây tre, màu nâu đen, cây khô, hình tròn, dài 1,57m, đường kính rộng nhất 02cm, có một đầu bị gãy, xước, một đầu bình thường; 01 đoạn cây gỗ, loại cây tre, màu nâu đen, cây khô, hình tròn, dài 0,78m, đường kính rộng nhất 02cm, có một đầu bị gãy, xước, có một đầu gắn mảnh kim loại màu đen có 03 cạnh, kích thước dài 09cm, ngang 05cm; 02 viên gạch, loại gạch thẻ màu đỏ đã bể vỡ.

Thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L: 01 chìa khóa xe mô tô, đầu bằng nhựa màu đen có chữ Honda, thân chìa khóa bằng kim loại màu trắng dài 05cm, có khóa viên hai bên; 01 cái áo khoác vải thun tay dài, màu xanh lá, phía trên bên trái áo có chữ ATELIER màu đen, trên áo có bám dính nhiều vết màu nâu.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị L thừa nhận có dùng chìa khóa xe mô tô đâm loạn xạ về phía gia đình bị cáo Phan Đức T3 nhưng chỉ xác định đâm nhiều cái trúng vào vai của chị L3, khi bị L3 ôm chân lại, mục đích để phòng vệ, ngoài ra không thừa nhận có dùng mũ bảo hiểm gây thương tích cho ai.

Bị cáo Nguyễn Văn T chỉ thừa nhận có đi cùng với bị cáo L, bị cáo Th và bị cáo Ba Y đến nhà của bị cáo T3 nhưng không tham gia đánh gây thương tích

cho ai.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Ba Y 09 (C) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 10 (mười) tháng tù; bị cáo Phan Đức T3 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm:

Lê Thị C số tiền 14.167.000 đồng.

Phan Đức L2 số tiền 10.067.000 đồng.

Ngô Thị G1 số tiền 14.834.000 đồng.

Phan Thị L3 số tiền 11.630.000 đồng.

Phan Đức T3 số tiền 14.334.000 đồng.

Buộc bị cáo Phan Đức T3 có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Thị L tiền thuốc điều trị và chi phí các khoản, ngày công lao động do bị mất thu nhập của L và người nuôi bệnh số tiền 45.531.000 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo T3 nộp khắc phục hậu quả cho L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, theo biên lai số 007268 ngày 25-3-2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, bị cáo Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

- Hủy một phần bản án sơ thẩm, tuyên bị cáo không phạm tội, không phải bồi thường cho những người trong gia đình của ông Phan Đức T3, đình chỉ xét xử truy tố đối với bị cáo.

- Tăng nặng hình phạt tù giam và không cho bị cáo Phan Đức T3 được hưởng án treo. Buộc ông Phan Đức T3, bà Lê Thị C, anh Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1 và chị Phan Thị L3 cùng có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo số tiền 171.631.986 đồng.

- Khởi tố đối với bà Lê Thị C, anh Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1 và chị Phan Thị L3 với vai trò đồng phạm với ông Phan Đức T3 gây thương tích cho bị cáo.

Cùng ngày 22 tháng 11 năm 2021, các bị cáo Lê Ba Y, Nguyễn Văn T cùng có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy một phần bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo không phạm tội, không phải bồi thường cho những người trong gia đình của ông Phan Đức

T3, đình chỉ xét xử truy tố đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích”, áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ, căn cứ vào lời khai của các bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định thương tích trên cơ thể các bị hại, căn cứ vào cơ chế hình thành vết thương, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định chính các bị cáo L, Ba Y và T đã có hành vi xông vào nhà bị cáo T3 dùng nón bảo hiểm, chìa khóa xe Honda và vật sắc nhọn gây thương tích cho Phan Đức T3 tỷ lệ thương tật 02%; Lê Thị C tỷ lệ thương tật 04%; Phan Đức L2 tỷ lệ thương tật 02%; Phan Thị L3 tỷ lệ thương tật 05% và Ngô Thị G1 tỷ lệ thương tật 02%. Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo cũng như phân trách nhiệm dân sự đối với từng bị cáo là phù hợp. Sau khi án sơ thẩm tuyên, các bị cáo L, Ba Y, T kháng cáo kêu oan và không đồng ý bồi thường phân dân sự cho phía bị hại là không có căn cứ để chấp nhận.

Riêng bị cáo L, ngoài kháng cáo kêu oan bị cáo còn yêu cầu khởi tố bà Lê Thị C, ông Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1, chị Phan Thị L3; yêu cầu ông T3, bà C, anh L2, chị G1, chị L3 cùng có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo số tiền là 171.631.986 đồng và yêu cầu áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo T3, không cho bị cáo T3 được hưởng án treo nhưng bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về hình phạt và phân trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Luật sư Trần Mạnh H1 bào chữa cho bị cáo bị cáo Lê Ba Y và bị cáo Nguyễn Văn T phát biểu quan điểm cho rằng Cáo trạng và bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Y và bị cáo T đồng phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ vì:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát cho rằng bị cáo Y dùng tay, dùng nón bảo hiểm đánh 02, 03 cái vào vùng đầu của ông T3. Tại phiên tòa ngày 06/4/2022, chị L3 khai nhìn thấy Y dùng nón bảo hiểm đứng trước mặt đánh bị cáo T3. Lời khai này không đúng và mâu thuẫn với lời khai của bị cáo T3 tại bút lục 138, ông T3 khai “Y dùng tay trái đánh trúng vào vùng đầu của tôi, tôi choáng váng ngã quỵ xuống nhà, tôi tiếp tục bị người khác (tôi không xác định là ai) đánh một cái bằng mũ bảo hiểm từ phía sau trúng vào đầu”. Bị cáo T3 khai Y dùng nón bảo hiểm đánh vùng thái dương nhưng theo bản giám định thì vùng thái dương của bị cáo T3 do vật sắc nhọn gây ra, nên vết thương của ông T3 không phải do bị cáo Ba Y gây ra.

Bản án sơ thẩm chưa làm rõ vị trí đánh ông T3, hung khí dùng để đánh, các bị hại không xác định được bị cáo Y đánh trúng đầu trên cơ thể ông T3 và bản án sơ thẩm cũng không làm rõ bị cáo Y giúp sức cho ai nên không có đủ căn

cứ buộc tội bị cáo Y.

Đối với bị cáo T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T không thừa nhận có cầm hung khí vào nhà bị cáo T3 và không có đánh ai. Ông E là người làm chứng khai thấy thanh niên ôm trước khi vào nhà ông T3 không có cầm theo vật gì và cơ quan điều tra không thu được vật chứng và theo kết luận điều tra thì vật chứng là sắc nhọn, nhưng Cáo trạng Viện kiểm sát cho rằng vật chứng bị cáo T gây thương tích là vật cứng, có mâu thuẫn nhau. Như vậy, không có chứng cứ để buộc tội bị cáo T.

Với các căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Ba Y, Nguyễn Văn T, tuyên các bị cáo Lê Ba Y, Nguyễn Văn T không phạm tội và không phải chịu về trách nhiệm dân sự.

Luật sư Đặng Trọng T1 bào chữa cho các bị cáo L, Ba Y và T phát biểu quan điểm không thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không thống nhất với quan điểm truy tố trong cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H cũng như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo bởi ngay từ đầu các bị cáo đã không thừa nhận hành vi phạm tội. Cụ thể, bị cáo L đi vô nhà ông T3 để nói chuyện thì bị ông T3 và anh L2 cùng đánh bị cáo L. Bị cáo L không có đánh ông T3, bà C. Khi bị cáo L chạy ra ngoài thì bị chị L3 ôm chân lại nên bị cáo dùng chìa khóa xe quơ đại nhằm để giải vây. Theo kết luận giám định thì vai trái chị L3 không có thương tích chứng tỏ bị cáo L không có dùng chìa khóa xe đâm vào vai trái chị L3. Gia đình ông T3 có tham gia đánh bị cáo L nên cần phải khởi tố cả gia đình ông T3 và những người trong gia đình ông T3 phải liên đới bồi thường cho bị cáo L.

Bị cáo Y thừa nhận có dùng nón bảo hiểm đánh ông T3 02 cái không xác định trúng đâu nhưng theo kết luận giám định thì thương tích ông T3 do vật sắc nhọn gây ra, nên vết thương của ông T3 không phải do bị cáo Ba Y gây ra.

Bị cáo T không nhận tội, lời khai người làm chứng ông I và ông E thấy người cao, ôm (T) trước khi vào nhà ông T3 không có cầm theo vật gì và cơ quan điều tra không thu được vật chứng và theo kết luận điều tra thì vật chứng là sắc nhọn, nhưng Cáo trạng Viện kiểm sát cho rằng vật chứng bị cáo T gây thương tích là vật cứng, có mâu thuẫn nhau. Như vậy, không có chứng cứ để buộc tội bị cáo T.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xét xử sai thẩm quyền vì đi chung nhóm với các bị cáo còn có chị Nguyễn Thị N2 và N2 có tham gia đánh nhau nhưng cấp sơ thẩm lại không khởi tố N2. Nếu N2 không có hành vi phạm tội thì phải đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người liên quan. Chị N2 đang ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp Tỉnh.

Từ các căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy bản án sơ thẩm. Trường hợp Hội đồng xét xử không chấp nhận hủy án thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T không phạm tội và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo L về trách nhiệm dân sự, khởi tố những người trong gia đình ông T3, áp dụng hình phạt tù giam đối với ông T3.

Trong phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Thị L thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư bào chữa cho bị cáo, không bổ sung gì thêm. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin xem xét bị cáo không phạm tội.

Trong phần tranh luận, các bị cáo Lê Ba Y, Nguyễn Văn T đều thống nhất với lời bào chữa của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo, không bổ sung gì thêm. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin xem xét các bị cáo không phạm tội.

Luật sư Tăng Thị D là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Đức T3 thống nhất với bản án sơ thẩm, thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Phan Đức T3 thống nhất với lời trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư D, không có ý kiến bổ sung, không tham gia tranh luận.

Các bị hại Lê Thị C, Phan Đức L2, Phan Thị L3 không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L cho rằng bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo không thừa nhận hành vi gây thương tích cho bị hại. Bị cáo cho rằng bị cáo có dùng chìa khóa xe mô tô đâm loạn xạ về phía gia đình bị cáo Phan Đức T3 nhưng chỉ xác định đâm nhiều cái trúng vào vai của chị L3, khi bị L3 ôm chân lại, mục đích để phòng vệ. Bị cáo thừa nhận có cầm nón bảo hiểm lúc đánh nhau, nhưng không thừa nhận dùng nón bảo hiểm đánh bà C, chị L3 và chị G1. Đồng thời, bị cáo cho rằng vết thương của bị cáo là những người trong gia đình ông T3 gây ra nên yêu cầu Hội đồng xét xử khởi tố bà Lê Thị C, anh Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1, chị Phan Thị L3 và buộc ông T3, bà C, anh L2, chị G1, chị L3 cùng có trách nhiệm bồi thường cho bị cáo số tiền là 171.631.986 đồng và không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm cho ông T3 hưởng án treo.

Bị cáo Lê Ba Y cho rằng bị cáo không gây thương tích cho ai, không gây thương tích cho ông T3, bị cáo không phải là đồng phạm với ai để đánh gây thương tích cho những người trong gia đình ông T3. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội và không phải bồi thường cho những người trong gia đình ông T3.

Bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng bị cáo không gây thương tích cho ai, không gây thương tích cho ông T3, bị cáo không phải là đồng phạm với ai để đánh gây thương tích cho những người trong gia đình ông T3. Vì vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội và không phải bồi thường cho những người trong gia đình ông T3.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 29-7-2019, bị cáo L cùng với Lê Ba Y, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn Thị Minh N2 điều khiển xe mô tô đi uống nước. Khi chạy đến nhà ông Phan Đức T3 tại ấp Gò D1, xã Bình P, huyện Tân H thì bị cáo L nhìn thấy anh Phan Đức L2 (con ruột của bị cáo T3) đang chẻ củi dưới sân nhà. Lúc này, bị cáo L nhớ lại sự việc mâu thuẫn trước đây anh L2 nắm cổ áo đánh ông Nguyễn Đình K là cha của bị cáo L nên tất cả dừng xe lại, cùng vào quán nước của chị Nguyễn Thị U gần nhà của anh L2. Bị cáo L và bị cáo Th đi qua nhà ông T3 kêu anh L2 ra quán uống nước để hỏi rõ sự việc, nhưng anh L2 không ra nên L, Th tiếp tục đi vào nhà bị cáo T3. Lúc này Ba Y, T cùng đi theo vào nhà gặp ông T3, bà Lê Thị C, anh Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1 và chị Phan Thị L3 nói chuyện qua lại, thì hai bên xảy ra cự cãi đánh nhau. Bị cáo Y dùng tay, mũ bảo hiểm đánh trúng vào đầu ông T3 02 cái đến 03 cái; L, Th dùng mũ bảo hiểm đánh bà C nhiều cái trúng vào người; T dùng vật sắc nhọn đâm 01 cái trúng vào lưng ông T3. Lúc này chị L3 vào can ngăn thì bị T dùng vật sắc nhọn đâm 01 cái trúng vào vùng ngực; L dùng mũ bảo hiểm đánh chị L3 nhiều cái trúng vào vùng lưng. Thấy vậy, anh L2 chạy đến dùng tay đánh nhiều cái trúng vào vùng mặt, ngực của Y. T tiếp tục dùng vật sắc nhọn đâm trúng vào vùng lưng của anh L2; còn ông T3 lấy một đoạn cây tre dùng móc lúa, đầu cây có gắn mảnh kim loại 03 cạnh đánh 01 cái trúng vào tay trái của L làm đoạn cây bị gãy. Khi ra đến cầu thang, ông T3 xô Ba Y trượt té xuống dưới đất. Lúc này L cầm chìa khóa xe mô tô trên tay quơ, đâm loạn xạ nhiều cái về phía ông T3; bà C; anh L2; chị G1 và chị L3. Khi chị L3 chạy ra đến khoảng giữa cầu thang thì bị L dùng chìa khóa xe đâm nhiều cái trúng vào vùng lưng, bị cáo Y đứng dưới đất dùng tay ném gạch lên nhà ông T3 nhưng không xác định có trúng ai không và làm vỡ 02 cửa kính ở trước nhà. Sau đó, L, Th và T bỏ chạy ra khỏi nhà ông T3.

Như vậy, sự việc hai nhóm đánh nhau tại nhà ông T3 là có thật và tại hiện trường lúc xảy ra vụ việc, thì các bị cáo Y, Th có cầm dùng mũ bảo hiểm, L cầm dùng mũ bảo hiểm và chìa khóa xe mô tô, T cầm vật sắc nhọn và ông T3 cầm đoạn cây tre dùng móc lúa, đầu cây có gắn mảnh kim loại 03 cạnh, ngoài ra không còn ai cầm vật gì khác. Và lúc này tại hiện trường có mặt bà Lê Thị C, anh Phan Đức L2, chị Ngô Thị G1 và chị Phan Thị L3. Điều này phù hợp với lời khai của các bị cáo, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ án, kết luận giám định Pháp y về thương tích đối với các bị hại, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương của các bị hại, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có

đủ cơ sở xác định chính các bị cáo L, Th, Ba Y và T đã xông vào nhà ông T3, dùng nón bảo hiểm, chìa khóa xe honda và vật sắc nhọn gây thương tích cho ông Phan Đức T3 tỷ lệ thương tật 02%, Lê Thị C tỷ lệ thương tật 04%, Phan Đức L2 tỷ lệ thương tật 02%, Phan Thị L3 tỷ lệ thương tật 05% và Ngô Thị G1 tỷ lệ thương tật 02%. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo L, Ba Y, T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo đều nhận thức được mũ bảo hiểm, chìa khóa xe honda và vật sắc nhọn là hung khí nguy hiểm, nhận thức được hành vi dùng các vật nêu trên đánh, đâm vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho ông Phan Đức T3 tỷ lệ thương tật 02%, Lê Thị C tỷ lệ thương tật 04%, Phan Đức L2 tỷ lệ thương tật 02%, Phan Thị L3 tỷ lệ thương tật 05% và Ngô Thị G1 tỷ lệ thương tật 02%. Chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai gì cho các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên đã chứng minh hành vi của các bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Do các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T gây thương tích cho các bị hại Lê Thị C, Phan Đức T3, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1 nên các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Riêng phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L cho rằng thương tích của bị cáo L là do Lê Thị C, Phan Đức T3, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1 gây ra nên yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của Lê Thị C, Phan Đức T3, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1 theo quy định pháp luật và buộc họ phải bồi thường về dân sự. Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Lê Thị C, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1 không thừa nhận việc đánh bị cáo L, chỉ có Phan Đức T3 thừa nhận thương tích của bị cáo L là do một mình bị cáo gây ra. Ngoài ra không còn chứng cứ gì khác để chứng minh Lê Thị C, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1 có hành vi đánh bị cáo L. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị C, Phan Đức L2, Phan Thị L3 và Ngô Thị G1.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị L không cho bị cáo

Phan Đức T3 được hưởng án treo. Xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T3 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H khắc phục hậu quả cho Nguyễn Thị L; bản thân bị cáo T3 là người có công với cách mạng, đã trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30-4-1975. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng và với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, cấp sơ thẩm xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa để trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật nên đã áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo T3 được hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp. Bị cáo L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tình tiết gì mới ngoài các căn cứ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của bị cáo L, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời phát biểu của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y và Nguyễn Văn T là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của các bị cáo L, Ba Y và T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y và Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ các điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Ba Y 09 (C) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 589, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các bị hại gồm:

Lê Thị C số tiền 14.167.000 đồng.

Phan Đức L2 số tiền 10.067.000 đồng.

Ngô Thị G1 số tiền 14.834.000 đồng.

Phan Thị L3 số tiền 11. 630.000 đồng.

Phan Đức T3 số tiền 14.334.000 đồng.

Buộc bị cáo Phan Đức T3 có trách nhiệm bồi thường cho Nguyễn Thị L tiền thuốc điều trị và chi phí các khoản, ngày công lao động do bị mất thu nhập của L và người nuôi bệnh số tiền 45.531.000 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo T3 nộp khắc phục hậu quả cho L tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, theo biên lai số 007268 ngày 25-3-2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành án xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị L, Lê Ba Y, Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TAND huyện Tân H (02 bản);
- VKSND huyện Tân H;
- THADS huyện Tân H;
- CQCSĐT Công an huyện Tân H;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ

